

GIÁO DỤC ĐẠI HỌC NHẬT BẢN NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN THIẾT ÁP DỤNG TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI GIÁO DỤC Ở VIỆT NAM

Huỳnh Hồ Thu Thảo*, Đặng Thị Hồng Phượng**

*Trường Đại học Tiền Giang

**Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Tiền Giang

Tóm tắt: Từ thế kỷ XXI, sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật công nghệ đã đưa đến sự biến đổi lớn lao của cơ cấu sản xuất, nền kinh tế không ngừng mở ra thị trường mới. Toàn cầu hóa là một xu hướng tất yếu nhằm giải quyết các vấn đề chung của nhân loại. Một trong những tác động rất lớn của toàn cầu hóa là sự phân tầng xã hội trở nên mạnh mẽ hơn, một xã hội dựa trên nền kinh tế tri thức và ứng dụng công nghệ thông tin để phát triển. Là nền giáo dục tiên tiến của Châu Á và quốc tế, Nhật Bản sớm có những ứng phó với tác động của toàn cầu hóa và đạt nhiều thành tựu. Bài viết tổng hợp các kết quả nghiên cứu về giáo dục đại học Nhật Bản, từ đó, chia sẻ kinh nghiệm quý báu cho tiến trình đổi mới và hiện đại hóa của giáo dục Việt Nam nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất và năng lực toàn diện trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

Từ khóa: đổi mới giáo dục, Giáo dục đại học Nhật Bản, Giáo dục Việt Nam

JAPANESE HIGHER EDUCATION ESSENTIAL ISSUES TO BE APPLIED IN THE PROCESS OF EDUCATIONAL INNOVATION IN VIETNAM

Huynh Ho Thu Thao*, Dang Thi Hong Phuong**

* Tien Giang University

** Faculty of Economics and Law, Tien Giang University

Abstract: Since the 21st century, the rapid and strong development of science and technology has led to great changes in the production structure, the economy has constantly opened up new markets. Globalization is an inevitable trend to solve common problems of humanity. One of the great impacts of globalization is that social stratification becomes stronger, a society based on the knowledge economy and the application of information technology for development. As an advanced education in Asia and the world, Japan has responded early to the impact of globalization and achieved many achievements. The article synthesizes the research results on Japanese higher education, thereby sharing valuable experiences for the innovation and modernization process of Vietnamese education to meet the needs of training human resources with comprehensive qualities and capacities in the current trend of globalization and international integration.

Keywords: educational innovation, Japanese higher education, Vietnamese education

Nhận bài: 14/05/2025

Phản biện: 14/06/2025

Duyệt đăng: 19/06/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục đại học đóng vai trò then chốt trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhật Bản là một trong những quốc gia có hệ thống giáo dục đại học phát triển, thích ứng nhanh với yêu cầu của thời đại. Việc nghiên cứu kinh nghiệm của Nhật Bản sẽ cung cấp cơ sở tham khảo quan trọng cho quá trình đổi mới giáo dục ở Việt Nam hiện nay. Bài viết tập trung phân tích một số vấn đề tiêu biểu trong giáo dục đại học Nhật Bản và đề xuất những nội dung có thể vận dụng phù hợp vào bối cảnh giáo dục Việt Nam.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Định hướng phát triển giáo dục đại học Nhật Bản trong thế kỷ XXI

2.1.1. Xu hướng dịch chuyển khái niệm thị trường ở Nhật Bản

Đây là việc tiếp nhận hiệp định chung về thương mại dịch vụ (General Agreement on trade in servist – viết tắt GATS). Toàn cầu hóa khởi phát từ nhu cầu tự do mở rộng thương mại và liên kết

giữa các quốc gia trong kinh doanh. Các xu thế chuyển dịch của giáo dục có quan hệ mật thiết với tiến trình tự do hóa thương mại dịch vụ giáo dục theo quy định của GATS. Khác với cách nhìn phổ biến của những người trong ngành giáo dục, vốn xem giáo dục đại học như một phúc lợi xã hội, là trọng trách quốc gia theo nguyên tắc phi thương mại; thì GATS lại xem giáo dục như một lĩnh vực thương mại dịch vụ cần được tự do hóa. Khái niệm thị trường giáo dục từ đây được hình thành và mở rộng tại nhiều quốc gia.

Trong đó, 04 hình thành “cung ứng dịch vụ giáo dục đại học” giữa các nước thành viên được quy định trong GATS bao gồm:

Điều 1. Cung cấp dịch vụ giáo dục đại học xuyên biên giới như giáo dục từ xa, lớp học điện tử E-learning, trường đại học ảo.

Điều 2. Tiêu thụ dịch vụ giáo dục ở nước ngoài tức sinh viên có thể tự do du học ở các nước thành viên.

Điều 3. Thiết lập chi nhánh cung cấp dịch vụ giáo dục như thành lập các chi nhánh đào tạo,

chuyên nhượng quyền đào tạo hoặc liên kết đào tạo.

Điều 4. Tuyển dụng chuyên gia quốc tế, có nghĩa là các giáo sư, nhà nghiên cứu, chuyên gia tư vấn được quyền đi đến các nước thành viên khác để giảng dạy, nghiên cứu hoặc làm việc.

2.1.2. Xuất khẩu và nhập khẩu giáo dục quy mô lớn

Cùng với việc chấp nhận khái niệm thị trường giáo dục, Nhật Bản tiếp tục đẩy mạnh thương mại dịch vụ giáo dục. Nhật Bản trở thành quốc gia xuất khẩu giáo dục với quy mô ngày càng tăng nhanh chóng. Số lượng lưu học sinh, sinh viên quốc tế gia tăng không ngừng: năm 1995 là 1,7 triệu, năm 2005 là 3 triệu và năm 2011 là 4,3 triệu. Năm 2004, Nhật Bản trở thành quốc gia thứ 8 trên bảng xếp hạng thu hút sinh viên quốc tế (đứng sau Úc, Newzealand, Canada, Anh, Mỹ, Pháp, Đức). Sự kiện GATS là bước ngoặt lớn nhất đầu thế kỷ XXI, đánh dấu sự thay đổi về tư duy giáo dục, mở màn cho hành trình xuất khẩu giáo dục. Nhật Bản đã nhận được sự hưởng ứng hết sức mạnh mẽ trong nước cũng như mở rộng tiếp đón một lực lượng đông đảo sinh viên và các nhà nghiên cứu quốc tế.

Bên cạnh đó, thuê chuyên gia nước ngoài và cử du học sinh đến các nước phương Tây là hai chính sách nhập khẩu giáo dục lớn nhất của Nhật Bản trước thế kỷ XXI. Trước hết, về chuyên gia nước ngoài, từ năm 1868 đến 1911, Nhật Bản đã mời 170 người nước ngoài sang làm việc trong lĩnh vực giáo dục. Về du học sinh, năm 1873, Nhật Bản đã có 373 sinh viên du học ở các nước phương Tây. Ngoài ra, nhập khẩu giáo dục còn thể hiện thông qua số đầu sách nước ngoài được dịch với hơn 633 đầu sách chỉ sau 20 năm đầu Minh Trị duy tân. Có thể nhận thấy, Nhật Bản đã sớm nhập khẩu tinh hoa giáo dục của các nước, đặc biệt các lĩnh vực này đều có giá trị thực tế cao, phục vụ trực tiếp cho việc phát triển kinh tế - xã hội Nhật Bản.

2.1.3. Học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập ở Nhật Bản

Từ năm 1949, Nhật đã ban hành Luật Giáo dục xã hội, điều chỉnh mọi hoạt động giáo dục bên ngoài nhà trường, tạo thêm cơ hội học tập cho thanh niên, phụ nữ và người lớn. Có thể coi đó là luật về giáo dục thường xuyên ở Nhật khi quy mô của hệ thống giáo dục còn nhỏ. Đến năm 1987, trước những đòi hỏi mới của đời sống kinh tế-xã hội, Hội đồng quốc gia cải cách giáo dục Nhật Bản đề nghị cần thực hiện bước chuyển căn bản từ hệ thống giáo dục truyền thống sang hệ thống học tập suốt đời. Các quan niệm cơ bản được đưa ra là:

- Học tập suốt đời đòi hỏi thứ nhất là việc học ở

mọi giai đoạn cuộc đời, thứ hai là rà soát lại toàn bộ các hệ thống kinh tế - xã hội hiện có, bao gồm cả giáo dục, để xây dựng xã hội học tập;

- Xã hội học tập là xã hội trong đó mọi người được tự do chọn cơ hội học tập vào bất kỳ lúc nào trong đời và kết quả học tập của họ phải được công nhận một cách thích hợp;

- Xây dựng xã hội học tập là tư duy chủ đạo cho cải cách giáo dục hướng tới thế kỷ XXI.

Trong khuôn khổ của thể chế nêu trên, việc xây dựng xã hội học tập ở Nhật Bản nhằm đáp ứng 4 yêu cầu cụ thể: 1) cập nhật kiến thức, kỹ năng cho người lao động trong bối cảnh thay đổi nhanh chóng của đời sống kinh tế-xã hội; 2) khắc phục các tác động tiêu cực của một xã hội vị văn bằng; 3) khắc phục sự phân rã giáo dục tức là tình trạng mất đi sự liên kết cần thiết giữa ba môi trường giáo dục: nhà trường, gia đình và cộng đồng; 4) đáp ứng các yêu cầu học tập của một xã hội già hóa.

2.1.4. Thay đổi cán cân đại học công – đại học tư

Hệ thống giáo dục đại học hiện đại của Nhật Bản được hình thành từ cuối thế kỷ XIX với sự ra đời của đại học Tokyo (sau này gọi là đại học quốc lập Tokyo) vào năm 1887. Các đại học quốc lập khác lần lượt được thành lập như đại học Kyoto, Osaka,... Các đại học này đa ngành được hình thành theo mô hình đại học Châu Âu với hệ thống quản lý hành chính ở cấp trường và quyền tự chủ về học chính của các đơn vị học tập (các khoa, trung tâm).

Đó cũng là một trong những thế mạnh của giáo dục đại học Nhật Bản. Bắt đầu từ những năm 70 của thế kỷ XX, quy mô giáo dục đại học Nhật Bản tăng mạnh, mở đầu cho quá trình đại chúng hóa giáo dục đại học.

Như vậy, giáo dục đại học Nhật Bản với tác động của toàn cầu hoá đã trải qua những dịch chuyển hết sức phức tạp. Từ một nền giáo dục công lập chiếm vị trí chủ đạo với hệ thống đại học công đã chuyển dịch thành hệ thống đại học với số trường tư gia tăng đáng kể. Các trường tư này chiếm tỷ lệ sinh viên theo học cao hơn nhiều so với các trường công lập trong toàn bộ hệ thống đại học.

2.2. Những vấn đề cần áp dụng trong quá trình đổi mới giáo dục ở Việt Nam

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, quá trình toàn cầu hóa cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ gắn liền với nền kinh tế tri thức đã tạo ra nhiều thời cơ và thuận lợi cho các quốc gia trên thế giới. Giáo dục Việt Nam đang đứng trước nhiệm vụ vinh quang nhưng cũng rất nặng

nề đầy thách thức do cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 đặt ra. Giáo dục phải thật sự trở thành quốc sách hàng đầu, làm tiền đề phát triển kinh tế - xã hội.

Việt Nam là một nước xuất phát từ một nước phong kiến, có nền nông nghiệp lạc hậu, bị thực dân đô hộ và chịu nhiều thiệt hại sau chiến tranh. Người Việt Nam có truyền thống yêu nước, tự hào dân tộc, cần cù, chịu thương chịu khó và hiếu học. Trong chiến tranh, chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra khẩu hiệu “Diệt giặc đói” lên trên “Diệt giặc đói”. Cho đến nay, Đảng và Nhà nước chủ trương giáo dục là quốc sách hàng đầu, đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho phát triển.

Từ thực tiễn trong nước và kinh nghiệm của Nhật Bản có thể thấy rằng, việc xây dựng và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với điều kiện thực tế ở nước ta có ý nghĩa quan trọng và là vấn đề rất cấp thiết. Việt Nam đang trên con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế đòi hỏi phải đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao mới đáp ứng được tình hình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Hội nhập sâu rộng vào mọi mặt của quá trình toàn cầu hóa có tác động đến giáo dục đại học ở các khía cạnh khác nhau [4]:

Hội nhập giúp mở rộng thị trường để thúc đẩy thương mại, giáo dục, y tế và các hệ thống kinh tế quốc tế khác, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội.

Hội nhập tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh trong giáo dục đại học, nhất là cạnh tranh về chất lượng.

Hội nhập giúp nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và nền khoa học công nghệ quốc gia, nhờ hợp tác giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước và tiếp thu công nghệ mới thông qua đầu tư trực tiếp nước ngoài và chuyển giao công nghệ từ các nước tiên tiến.

Hội nhập giúp bổ sung những giá trị và tiến bộ của văn hóa, văn minh của thế giới, làm giàu văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Như vậy, trong bối cảnh của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục đại học ở các nước đã và đang đối mặt với nhiều thời cơ và thách thức, đặc biệt là vấn đề giải quyết các mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng; giữa đào tạo và nghiên cứu, dịch vụ; giữa nhu cầu và nguồn lực cho phát triển. Để giải quyết các yêu cầu đó, giáo dục đại học ở các nước cần đổi mới theo xu hướng chuyển sang giáo dục đại chúng và phổ cập; phát triển nhiều loại hình trường đại học, đa dạng về trình độ và ngành nghề; tăng hiệu quả đào tạo và

thu hút nhiều nguồn lực ngoài ngân sách đầu tư cho giáo dục; phát triển mạng lưới các trường đại học thành trung tâm sản xuất, sử dụng và chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh các loại hình dịch vụ đào tạo nhân lực quốc tế và khu vực.

Với tinh thần đó, giáo dục Việt Nam cần hướng tới một nền giáo dục hiện đại, tiên tiến và đổi mới như sau:

Thứ nhất, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã nêu rõ định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030, trong đó đề ra mục tiêu: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”. Để thực hiện chủ trương, quan điểm của Đảng, cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa – hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Giáo dục trong thế kỷ XXI theo UNESCO có bốn trụ cột chính: “Học để biết, học để làm, học để cùng chung sống và học để tồn tại”. Phải đạt được mục tiêu giáo dục là phát triển con người toàn diện để đáp ứng yêu cầu của xã hội hiện đại, vừa hồng vừa chuyên, vừa phát triển tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo, vừa mang đậm tính nhân văn, nhân ái. Chương trình đào tạo phải cập nhật những tri thức mới để theo kịp sự tiến bộ, phát triển nhảy vọt của khoa học – công nghệ kết hợp với giáo dục kỹ năng sống cho thế hệ trẻ trong thời kỳ hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại đồng thời phải giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc. Giáo dục phải hướng đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Thứ hai, hoàn thiện hệ thống giáo dục và mở rộng nhiều hình thức đào tạo chính quy và không chính quy tạo cơ hội học tập và quyền bình đẳng trong giáo dục cho mọi người dân, hình thành xã hội học tập và học tập suốt đời. Đồng thời, vươn ra bên ngoài bằng việc mở rộng liên kết đào tạo với các trường chất lượng cao trong khu vực trong và ngoài nước nhằm trao đổi, giao lưu văn hóa, khoa học kỹ thuật công nghệ và kinh tế tri thức của nhân loại. Quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi để tiếp cận với các xu thế mới, tri thức mới, những mô hình giáo dục hiện đại, tranh

thủ các nguồn lực bên ngoài, tạo thời cơ để phát triển giáo dục.

Thứ ba, đổi mới chương trình, tài liệu dạy học trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đại học dựa trên nhu cầu của đơn vị sử dụng lao động, vận dụng có chọn lọc một số chương trình tiên tiến trên thế giới, phát huy vai trò của các trường trọng điểm trong từng khối ngành, nghề đào tạo để thiết kế các chương trình liên thông. Phát triển các chương trình đào tạo đại học theo hai hướng: nghiên cứu và nghề nghiệp ứng dụng. Phát triển các chương trình giáo dục thường xuyên, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông nhằm mở rộng các hình thức học tập chính quy tập trung, đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa,... đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của người học góp phần nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với yêu cầu công việc và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thứ tư, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện theo hướng phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học của người học. Trên cơ sở đánh giá chương trình giáo dục phổ thông hiện hành và tham khảo chương trình tiên tiến của các nước, thực hiện đổi mới chương trình và sách giáo khoa theo định hướng phát triển năng lực học sinh, vừa đảm bảo tính thống nhất trong toàn quốc, vừa phù hợp với đặc thù mỗi địa phương. Chú trọng nội dung giáo dục đạo đức, pháp luật, thể chất, quốc phòng - an ninh và các giá trị văn hóa truyền thống; giáo dục kỹ năng sống, giáo dục lao động và hướng nghiệp học sinh phổ thông. Nhà giáo dục học nổi tiếng người Nhật Bản - T. Makiguchi đã chỉ ra rằng: “Nhà giáo, trước hết không phải là người cung cấp thông tin, mà là người hướng dẫn đắc lực cho học sinh tự mình học tập. Họ nên

nhường việc cung cấp tri thức cho sách vở, tài liệu và cuộc sống để thay vào đó đóng vai trò là “cố vấn”, “trọng tài” khoa học cho những hoạt động học tập tích cực của bản thân người học”.

III. KẾT LUẬN

Có thể nói, trong tiến trình xây dựng và phát triển đất nước, giáo dục và đào tạo luôn được xem là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân tộc. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư cho sự phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội. Trong quá trình đổi mới, cần kế thừa, phát huy những thành tựu, phát triển những nhân tố mới, tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm của thế giới. Đổi mới phải bảo đảm tính hệ thống, tầm nhìn dài hạn, phù hợp với từng loại đối tượng và cấp học; các giải pháp phải đồng bộ, khả thi, có trọng tâm, trọng điểm, lộ trình và bước đi phù hợp. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; gắn với nhu cầu xã hội; với tiến bộ khoa học và công nghệ.

Bộ GD&ĐT đã xác định mục tiêu chung của giáo dục Việt Nam là: “Phấn đấu đưa nền giáo dục thoát khỏi tình trạng lạc hậu so với các nước trong khu vực, trở thành một nền giáo dục tiên tiến, khoa học, dân tộc, đại chúng, làm nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững đất nước, thích ứng với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hướng tới một xã hội học tập, có khả năng hội nhập quốc tế”. Nền giáo dục góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa –hiện đại hóa đất nước trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), Quyết định 2653/QĐ-BGDĐT ngày 25/7/2014 của Bộ GD & ĐT về việc Ban hành Kế hoạch hành động của ngành giáo dục triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Hà Nội.
2. Bùi Minh Hiền (2011), *Giáo dục so sánh và quốc tế*, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Hà Nội.
4. Ngô Huyền Trân (2017), *Đại học Châu Á trước những tác động của toàn cầu hóa - Trường hợp Nhật Bản*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Xu hướng phát triển giáo dục trong thế giới toàn cầu hóa”, TP. Hồ Chí Minh.
5. Ozaki Mugen (2014), *Cải cách giáo dục ở Nhật Bản*, NXB Lao động, Hà Nội.
6. Phạm Minh Hạc, Trần Kiều, Đặng Bá Lâm, Nghiêm Đình Vỹ (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỷ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia.